

Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ GIÁ TRỊ HIỆN THỰC CỦA "LỜI KÊU GỌI TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN" ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC HIỆN NAY

LAI NGỌC HẢI^(*)

Cách đây 60 năm, vào những ngày cuối tháng 12 năm 1946, diễn biến của tình hình chính trị và quân sự ở Việt Nam hết sức phức tạp và nóng bỏng. Với dã tâm cướp nước ta một lần nữa, thực dân Pháp vi phạm những điều ước đã ký kết giữa Chính phủ Pháp và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong Hiệp định sơ bộ (ký 6/3//1946) và trong Tạm ước (ký 14/9/1946), trắng trợn mở rộng các hoạt động xâm lược. Đến đêm 19 tháng 12 năm 1946, tiếng súng chống xâm lược của quân và dân ta đã nổ trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Mặc dù, đây là khoảng thời gian nhân dân ta rất cần có hòa bình để xây dựng nước nhà và củng cố lực lượng, nên chúng ta đã có những nhân nhượng, nhưng tất cả những nỗ lực về ngoại giao của chúng ta đã bị thực dân Pháp khước từ. Trước tình hình đó, ngày 20 tháng 12 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc lời kêu gọi toàn thể quốc dân Việt Nam đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược, cứu Tổ quốc.

Sự kiện trong đại trên đây không chỉ biểu hiện ý chí quyết giữ gìn non sông đất nước trước hiểm họa xâm lăng, mà với nội dung và bối cảnh được công bố nó thể hiện sâu sắc tinh thần bảo vệ Tổ quốc, tính nhân văn của một dân tộc đối với các vấn đề hệ trọng trong đời sống chính trị

của thế giới đương đại - *vấn đề chiến tranh và hòa bình*. Đã 60 năm đi qua nhưng ý nghĩa lịch sử và giá trị hiện thực của *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* vẫn còn nguyên tính thời sự sâu sắc. Trong bối cảnh chính trị thế giới hiện nay, khi mà xu hướng hoà bình, hợp tác và phát triển đang bị các thế lực hiếu chiến làm cho biến dạng bởi những mưu toan kích động bạo lực, xung đột vũ trang, chiến tranh... gây hận thù chia rẽ, đẩy nhiều quốc gia, dân tộc lâm vào cảnh nôi da xáo thịt, đất nước hoang tàn, con người trở thành vật hy sinh cho những mưu đồ chính trị đen tối. Cuộc sống bình yên của nhân loại tiến bộ đang bị đe dọa bởi những mưu toan và hành động cực đoan của các thế lực hiếu chiến. Tình hình đó đã chi phối, làm nảy sinh nhiều vấn đề mới cả nhận thức, thái độ và hành động khác nhau, thậm chí trái ngược nhau đối với vấn đề chiến tranh, hòa bình và bảo vệ chủ quyền đất nước... khiến chúng ta không thể thờ ơ. Trong bối cảnh đó, việc trở lại với những giá trị tư tưởng của "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trở thành vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, không chỉ dưới góc độ lịch sử, mà còn mang giá

(*) PGS., TS. Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự, Bộ Quốc phòng.

trị hiện thực sâu sắc; không chỉ ở phạm vi trong nước, mà cả trên bình diện quốc tế; đồng thời còn có ý nghĩa như một thông điệp của nhân dân Việt Nam gửi đến toàn thế giới, biểu thị thái độ đối với các vấn đề nói trên. Với quan niệm như vậy, chúng ta hãy bắt đầu từ bối cảnh quốc tế với những vấn đề liên quan đến chiến tranh và hòa bình, “soi” chúng dưới ánh sáng của những tư tưởng của “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”.

I. Bầu không khí chính trị quốc tế, trong nước với những vấn đề liên quan đến chiến tranh và hòa bình

Đặc điểm của đời sống chính trị thế giới liên quan đến vấn đề chiến tranh và hòa bình kể từ sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ luôn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất trắc, khó lường. Bản đồ chính trị thế giới với những mảng sáng, tối đan xen nhau. Mảng tối phản ánh *tương quan lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa lực lượng yêu chuộng hòa bình và các thế lực hiếu chiến, giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội* cho thấy cán cân nghiêng hẳn về phía phản cách mạng, phía chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động. Các lực lượng cách mạng, tiến bộ ở vào thế bất lợi, khiến cho cuộc đấu tranh vì quyền lợi dân tộc, vì lợi ích của hòa bình, tiến bộ và chủ nghĩa xã hội đang gặp những khó khăn, phức tạp mới. Dựa vào ưu thế vượt trội về kinh tế và quân sự *Mỹ và các thế lực hiếu chiến đẩy mạnh triển khai chiến lược toàn cầu với mức độ cực đoan hơn, hiếu chiến hơn và đẩy nhanh hơn quá trình thực hiện ý đồ thiết lập “thế giới một cực”*.

Chưa bao giờ hòa bình và tiến bộ trên thế giới lại đứng trước những đe dọa như hiện nay và xu hướng đó vẫn chưa có dấu hiệu chấm dứt. Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc

tộc, dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, ly khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi trên khắp các châu lục với tính chất ngày càng phức tạp (1, tr.21). Đời sống nhân loại luôn bị khuấy đảo bởi sự phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp, dân tộc trên thế giới; bởi những mưu toan của chủ nghĩa đế quốc, bởi những mâu thuẫn về chính trị, xã hội, kinh tế, dân tộc, tôn giáo và bởi những cuộc đấu tranh giành giật thị trường và các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Bốn cuộc chiến tranh khu vực đã nổ ra từ ý đồ thiết lập “trật tự thế giới đơn cực” của Mỹ: chiến tranh Vùng Vịnh lần thứ nhất (1991), chiến tranh Côxôvô - Nam Tư (1999), Afghanistan (2002), chiến tranh Iraq (2003). Vấn đề đặc biệt gây lo ngại cho cộng đồng quốc tế là nhiều cuộc chiến tranh đã phá vỡ sự thống nhất của các quốc gia như kiểu chiến tranh phá vỡ Liên bang Nam Tư, hoặc chiến tranh làm nảy sinh nội chiến như ở Iraq, là các tiền lệ hết sức nguy hiểm.

Song hành với xung đột vũ trang, chiến tranh là tình trạng mất ổn định diễn ra tại nhiều nơi trên thế giới: Balkan, Trung Đông, Trung Á, Nam Á, Ngoại Cápcadơ... Tình hình đó làm cho xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển chứa đựng trong lòng nó những khả năng bị biến dạng và ẩn chứa những bất trắc và cả những hiểm họa khó lường. Các cuộc “*cách mạng Nhung lụa*”, “*cách mạng màu sắc*” diễn ra ở một số nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu trong thời gian gần đây đã làm cho một vài nơi có sự đảo lộn. Cuộc tiến công quân sự 34 ngày do Israel phát động chống lực lượng du kích Hezbollah ở miền nam Lebanon trong những ngày cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 2006, làm cả thế giới lo ngại.

Từ sau sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, “khủng bố” và “chống khủng bố” thực sự là vấn đề mang tính toàn cầu, là biểu hiện mới và gay gắt của cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp của thế giới đương đại. Mỹ mưu toan lợi dụng lá bài “*chống khủng bố*” để phục vụ những toan tính riêng. Dưới danh nghĩa “*hợp tác chống khủng bố*”, Mỹ lôi kéo các nước vào hoạt động này phục vụ cho việc đẩy mạnh triển khai chiến lược toàn cầu mới như một liều thuốc thử để trừng phạt các nước bất hợp tác với Mỹ. Trong đó Nam Á, Đông Nam Á được Mỹ coi là một trong những hướng trọng điểm. Trong bối cảnh đó, các quốc gia-dân tộc đều phải cảnh giác đề phòng các hoạt động khủng bố phá hoại an ninh của nước mình; đồng thời cũng càng phải cảnh giác đề phòng các thế lực hiếu chiến lợi dụng chiêu bài “chống khủng bố” để can thiệp vào công việc nội bộ, thậm chí xâm hại độc lập chủ quyền bằng vũ lực.

Tình hình đó hàng ngày hàng giờ tác động vào đời sống chính trị các nước, đặc biệt là các nước lựa chọn định hướng phát triển theo chủ nghĩa xã hội, khiến cho các quốc gia-dân tộc, trong đó có Việt Nam không thể không đề cao cảnh giác, tăng cường sức mạnh quốc gia để bảo vệ độc lập, chủ quyền và sự phát triển đất nước trước sự chống phá, “can thiệp” của các thế lực hiếu chiến.

Do những đặc thù về địa-kinh tế, địa-chính trị và vai trò đối với bán đảo Đông Dương và khu vực Đông Nam Á, Việt Nam là quốc gia được nhiều thế lực nhòm ngó phục vụ cho những mưu toan khác nhau. Không phải ngẫu nhiên mà các thế lực hiếu chiến xác định: “mọi con đường vào Đông Dương đều phải qua Hà Nội”.

Cách mạng Việt Nam tiếp tục đối mặt với những nguy cơ. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chưa bao giờ thay đổi ý đồ đặt Việt Nam trong vòng ngắm của cuộc thập tự chinh nhằm thanh toán đến tận cùng mọi dấu vết của chủ nghĩa xã

hội. Mục tiêu của chúng là xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và chuyển hóa chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, tạo ra ở Việt Nam một thể chế chính trị thân Mỹ. Phương thức của chúng là dùng kinh tế để chi phối sự lãnh đạo của Đảng, dùng quân chúng làm suy yếu chính quyền và dùng chính quyền để nâng cao sự đối lập của quần chúng. Một “lộ trình bốn bước” được xác định: 1) Làm xói mòn, mất lòng tin của dân đối với Đảng, tạo sự đối lập giữa Đảng với nhân dân; 2) Làm suy yếu hệ thống lãnh đạo của Đảng bằng cách gây mâu thuẫn nội bộ; 3) Vô hiệu hóa các cơ quan trọng yếu và lực lượng bảo vệ Đảng, trong đó có quân đội; 4) Sử dụng sức ép từ đấu tranh đòi dân chủ, chống tham nhũng... kết hợp với sức ép từ bên ngoài để lật đổ chế độ. Chúng coi đó là con đường ngắn nhất có thể làm được trong bối cảnh hiện nay. Nếu ngón đòn đó không đem lại kết quả và khi điều kiện cho phép sẽ sử dụng vũ lực để giải quyết.

Âm mưu đó được ráo riết triển khai trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, thương mại, đối ngoại... Trên lĩnh vực kinh tế, tiếp tục dùng “*đòn đánh kinh tế làm mũi nhọn, sử dụng kinh tế làm mồi nhử*”, lợi dụng quá trình hội nhập và mở cửa kinh tế, sử dụng các hoạt động liên kết, liên doanh và chiêu bài “tự do hóa”, “tư nhân hóa”, “kinh tế thị trường tự do”, như biện pháp đặc dụng để phá hoại đường lối phát triển kinh tế của Đảng, làm cho nền kinh tế xa dần với định hướng xã hội chủ nghĩa, mất tính độc lập, tự chủ và ngày càng phụ thuộc vào các tập đoàn tư bản nước ngoài. Cách mạng Việt Nam tiếp tục đối mặt với những nguy cơ. Thông qua các hoạt động hợp tác đầu tư, viện trợ nhân đạo, trao đổi mậu dịch... chúng đòi Việt Nam phải thay đổi luật lệ, thủ tục làm ăn có lợi cho tư bản nước ngoài; đẩy mạnh các hoạt động thu thập tin tức, bí mật kinh tế và bí mật quốc gia về quân sự,

quốc phòng, an ninh... làm cơ sở cho việc chống phá trên các lĩnh vực khác.

Trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội, các thế lực thù địch tìm mọi biện pháp tấn công quyết liệt vào chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh; bác bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đề cao chủ nghĩa tư bản, tán dương lối sống và văn hóa tư sản. Chúng tiếp tục sử dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập” để phá hoại về tư tưởng và tổ chức. Để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chúng khai thác vấn đề “tôn giáo”, “dân tộc”. Để phá vỡ hệ thống chính trị, chúng tuyên truyền về thực trạng tham nhũng trong đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước; dùng ngôn từ “chống sự tha hóa” của một bộ phận cán bộ, đảng viên và tăng cường lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, kích động các hoạt động khiếu kiện, gây “điểm nóng”... tạo cơ hội can thiệp sâu hơn vào công việc nội bộ của ta.

Trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại, với ý đồ làm suy yếu các công cụ bảo vệ Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa, âm mưu cơ bản của các thế lực thù địch là “phi chính trị hóa” quân đội và công an. Đòn công kích nguy hiểm này chúng đã sử dụng thành công để xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu. Bằng nhiều thủ đoạn, chúng tác động vào quân đội, công an và xã hội hòng vô hiệu hóa hai công cụ bạo lực sắc bén của Đảng và Nhà nước, chia rẽ đoàn kết quân dân, chia rẽ mối quan hệ trong nội bộ quân đội và công an nhằm làm cho các lực lượng vũ trang suy yếu về mặt tổ chức, mất đoàn kết, mất cơ sở xã hội, mất sức chiến đấu, mất khả năng bảo vệ Đảng Nhà nước, chế độ và nhân dân. Về đối ngoại, chúng tìm cách làm méo mó hình ảnh Việt Nam trong con mắt bè bạn. Lợi dụng các diễn đàn quốc tế để bôi nhọ, hạ uy tín và cô lập Việt Nam trên trường quốc tế. Các chiêu bài “dân chủ”, “nhân

quyền” lại được sử dụng tích cực nhằm cô lập Việt Nam về ngoại giao, ép buộc chúng ta phải thay đổi đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ. Lợi dụng những bất đồng, những sự khác biệt giữa Việt Nam với các nước ASEAN, để chia rẽ, gây mất đoàn kết, phá hoại quan hệ hữu nghị, nhằm tạo nên sự bất ổn trong khu vực... Nếu chúng ta lúng túng, phạm sai lầm trong xử lý các quan hệ quốc tế, thì càng làm cho ta bị cô lập, kẻ thù càng có điều kiện hơn để chống cách mạng Việt Nam.

Biện pháp, thủ đoạn có nhiều, song tựu chung lại, mục tiêu đạt đến của chiến lược “diễn biến hoà bình” là làm cho ta “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “tự sụp đổ”, kẻ thù “không đánh mà thắng”, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hoàn toàn bị xóa bỏ bởi chính những nguyên nhân từ bên trong. Nếu thất bại hoặc khi điều kiện cho phép chúng sẽ can thiệp bằng quân sự, phát động chiến tranh để thực hiện mục tiêu đã xác định.

Tình hình đó cho thấy, công cuộc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta càng trở nên khó khăn phức tạp hơn, đòi hỏi càng phải quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Người.

II. Kế thừa và phát huy các giá trị tư tưởng của "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc và đấu tranh giữ vững hòa bình ở nước ta hiện nay

Trong hệ thống các quan điểm hợp thành tư tưởng Hồ chí Minh, liên quan đến vấn đề chiến tranh và hòa bình, tư tưởng về bảo vệ Tổ quốc là nội dung có vị trí đặc biệt quan trọng. Tư tưởng nhất quán của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bảo vệ vững chắc Tổ quốc là phải giữ cho được độc lập và tự do, khi đã giành được nó. Tinh thần cơ bản của tư tưởng đó đã được chính Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng

tuyên bố trước toàn thế giới tại Quảng trường Ba Đình ngày 2/9/1945 rằng, nước Việt Nam đã trở thành một nước tự do, độc lập: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy” (2, tr.4). Lời tuyên bố ấy đã trở thành lời thề độc lập, một nguyên tắc bất di, bất dịch của Cách mạng Việt Nam. Vì vậy khi thực dân Pháp bội ước, muốn cướp đi của dân tộc ta cái quyền thiêng liêng và “hợp lẽ tự nhiên” ấy, tất yếu nó sẽ gặp sự phản kháng quyết liệt của cả một dân tộc. Tinh thần phản kháng đó được thể hiện trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” được Chủ tịch Hồ Chí Minh - người giữ trọng trách cao nhất trong bộ máy lãnh đạo cuộc kháng chiến, tuyên đọc vào thời khắc cực điểm tình hình diễn ra nghiêm trọng nhất. Với “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, một lần nữa, ý chí sắt đá của dân tộc Việt Nam về bảo vệ độc lập tự do lại vang lên, kêu gọi toàn thể quốc dân Việt Nam, hãy tỏ rõ tinh thần quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. *Hỡi đồng bào! Giờ cứu nước đã đến: “Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, để cứu Tổ quốc”* (2, tr.480). Hãy tỏ rõ ý chí quật cường, quyết tâm sắt đá quyết giữ vững tự do độc lập, quyết làm mọi việc để cho những bộ óc thiên cận, những cái đầu hiếu chiến trong bộ máy chiến tranh nước Pháp thấy rằng ý chí bảo vệ quyền được sống trong độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam là không thể khuất phục. Phải cho họ thấy rằng sức mạnh quân sự nước Pháp: đại bác, xe tăng, máy bay và chiến hạm Pháp không thể đè bẹp được sức mạnh của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của một chính Đảng mácxít. Toàn thể dân tộc Việt Nam, bằng những hành động thực tế, tất cả đứng lên cứu

Tổ quốc. Quyết đem tất cả những gì dân tộc Việt Nam có: cả tinh thần, lực lượng và của cải, cả xương trắng và máu đào, cả truyền thống đoàn kết dân tộc bốn ngàn năm dựng và giữ nước của cha ông ta vào cuộc chiến đấu chống quân thù, thù hy sinh tất cả để giữ lấy tự do độc lập, quyết không chịu để mất nước, quyết không chịu quay lại kiếp đời nô lệ.

“Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, được Chủ tịch Hồ Chí Minh viết hết sức ngắn gọn (chỉ chưa đến 200 từ), nhưng đã gói trọn trong đó những nội dung hết sức cơ bản về ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc, tư tưởng về sử dụng bạo lực cách mạng (bao gồm cả bạo lực chính trị, bạo lực vũ trang), tư tưởng chiến tranh nhân dân Việt Nam và một niềm tin sắt đá vào thắng lợi của cuộc đấu tranh chống quân thù. Một dân tộc có truyền thống chống ngoại xâm, yêu hòa bình, cần cù sáng tạo, luôn trọng lối sống hòa hiếu và bao trùm lên tất cả những giá trị cao đẹp đó là tư tưởng nhân đạo, tính nhân văn trong giải quyết các vấn đề chiến tranh và hoà bình, và các mối quan hệ giữa các dân tộc, dân tộc đó phải được độc lập, dân tộc ấy nhất định sẽ chiến thắng.

Và thực tiễn lịch sử đã cho thấy, đáp “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, cả dân tộc Việt Nam đã anh dũng đứng lên, tiến hành cuộc kháng chiến thần thánh “ba ngàn ngày” không nghỉ, kết thúc bằng trận quyết chiến chiến lược “Điện Biên chấn động địa cầu”, và người Pháp đã phải công nhận thực sự quyền được hưởng tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của nó. Tất cả những tư tưởng cơ bản được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu trong đó đã được dân tộc Việt Nam biến thành hiện thực.

Sáu mươi năm đã đi qua, đời sống chính trị thế giới đã có nhiều biến đổi,

song những gì đang diễn ra trên trường quốc tế cũng như tình hình của đất nước chúng ta, cho thấy “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” vẫn còn nguyên tính thời sự, nhắc nhở chúng ta rằng để giữ vững độc lập, tự do, nhất định phải luôn cảnh giác đề phòng mọi bất trắc. Để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, để giữ vững độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, kế thừa và phát huy những giá trị tư tưởng của “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, chúng ta cần làm tốt một số biện pháp sau đây:

1. Bằng mọi biện pháp, phải tuyên truyền, giáo dục cho toàn dân luôn nhận thức rõ những âm mưu thâm độc trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của kẻ thù, không mảy may một chút lơ là trong thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, bởi dã tâm của kẻ thù nhằm thủ tiêu Cách mạng Việt Nam không hề thay đổi, vì chúng vẫn *quyết tâm cướp nước ta một lần nữa*, có chăng chỉ là bằng các thủ đoạn mới mà thôi.

2. Để giữ vững được *quyền tự do và độc lập* mà dân tộc ta đã phải mất 30 năm đấu tranh gian khổ mới giành lại được trọn vẹn, theo tinh thần bảo vệ Tổ quốc đã được xác định trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám (khóa IX), nhất thiết cả dân tộc ta phải triệt để thực hiện và thực hiện thật tốt các biện pháp chủ động phòng ngừa. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không được một chút lơ là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Song song với thực hiện các biện pháp đấu tranh phi vũ trang để làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, chúng ta phải tích cực chủ động chuẩn bị về mọi mặt ngay từ khi đất nước có hòa bình, để khi tình huống chiến tranh xảy ra, chúng ta mới không rơi vào thế bị động, lúng túng, mới có thể đáp ứng nhanh chóng lời kêu gọi của Đảng về bảo vệ Tổ quốc, như hào khí của cả dân tộc ta đáp ứng

lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch mùa đông năm 1946.

3. Phải xây dựng một nền công nghiệp quốc phòng hiện đại phù hợp với điều kiện của Việt Nam, để sẵn sàng tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, đối phó thắng lợi với một cuộc chiến tranh xâm lược có sử dụng vũ khí công nghệ cao. Ngày nay, khai thác tối đa những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ hiện đại, kẻ thù đã có trong tay những vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự hiện đại. Chúng ta tiến hành chiến tranh nhân dân chống lại chiến tranh công nghệ cao, cùng với việc đánh giặc bằng các vũ khí truyền thống, những “súng, gươm, cuốc, thuổng, gậy, gộc”, thì nhất thiết quân đội cũng cần được trang bị những vũ khí, phương tiện kỹ thuật hiện đại để tiến hành những đòn quyết chiến chiến lược, đập tan ý chí xâm lược của kẻ thù.

4. Bên cạnh việc chuẩn bị mọi mặt về chính trị, kinh tế và quân sự, chúng ta cần triệt để khai thác các yếu tố có lợi, sử dụng mặt trận đối ngoại (cả đối ngoại chính trị, đối ngoại kinh tế, đối ngoại quân sự...) để cùng với các lĩnh vực khác, góp phần làm thất bại các âm mưu sử dụng vũ lực của kẻ thù nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chúng ta cũng cần giành thắng lợi trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc mà không cần phải tiến hành chiến tranh. Đó cũng là một bài học về kế sách giữ nước được vận dụng vào điều kiện của thế giới đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. H.: Chính trị quốc gia, 2006.
- Hồ Chí Minh: Toàn tập. T.4. H.: Chính trị quốc gia, 2000.